

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN
ÂN THI TỈNH HƯNG YÊN**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 07/2021/HNGĐ -ST

Ngày 27/01/2021

"V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con chung"

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ÂN THI - TỈNH HƯNG YÊN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Lương Hồng

Các hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Thanh Bình - Cán bộ nghỉ hưu

Bà Nguyễn Thị Nga – Chủ tịch Hội phụ nữ huyện Ân Thi

-Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Ái - Thư ký TAND huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên

- Đại diện VKSND huyện Ân Thi tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hữu - Kiểm sát viên

Ngày 27 tháng 01 năm 2021 Tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Ân Thi xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 39/2020/TLST - HNGĐ ngày 24/11/2020 về tranh chấp ly hôn, nuôi con chung theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 10/2021/QĐXX-HNGĐ ngày 05/01/2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 09/2021/QĐST-HNGĐ ngày 20/01/2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn : Chị Đinh Thị Th, SN 1996 (có mặt)

Bị đơn : Anh Vũ Văn M, SN 1997 (vắng mặt)

Người có QLVN liên quan đến vụ án: Cháu Vũ Bảo Ch, SN 01/9/2019

Người đại diện hợp pháp của cháu Ch: chị Th– mẹ đẻ của cháu

Đều trú tại: L M, PU, Ân Thi, Hưng Yên

Người làm chứng: Ông Vũ Văn Nh, SN 1950 (có mặt)

Trú tại: L M, PU, Ân Thi, Hưng Yên

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện ngày 27/10/2020 và lời khai của chị Th trình bày chị và anh M kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Phù Ủng vào ngày 24/12/2018. Sau khi cưới chị về ngay gia đình chồng chung sống. Thời gian đầu vợ chồng chị chung sống hòa thuận, hạnh phúc. Sau khi sinh con được 3 tháng thì bố mẹ chồng chị cho vợ chồng chị ăn riêng, khi đó con còn nhỏ chị chưa đi làm được, anh M không chịu làm ăn, không có tiền tiêu vợ chồng cãi nhau, sau đó anh M đi tìm việc công ty làm. Đến đầu năm 2020 dịch covid bùng phát, diễn biến phức tạp, các công ty nghỉ làm, anh M không có việc nữa, tiền tiết kiệm vợ chồng cũng tiêu hết, vì

vậy vợ chồng chị bàn nhau ra Quảng Ninh bán hàng, tuy nhiên chỉ được một thời gian ngắn vợ chồng lại về quê, đến tháng 9/2020 vợ chồng mâu thuẫn trầm trọng nguyên nhân vì kinh tế, anh M không chịu làm ăn, lại còn chơi cờ bạc dẫn đến nợ nần, chị khuyên nhưng anh M không nghe còn chửi bới, đuổi chị đi, chị vẫn cố gắng ở lại nhưng anh M càng ngày càng quá đáng, chửi bới nhiều, đến bố mẹ chồng chị còn phải bảo chị là về nhà vài hôm để cho M nguôi đi, chị bế con về thì anh M không cho, đến đêm anh M gọi điện cho chị bảo con khóc nhiều vì nhớ mẹ, khát sữa, chị thuê taxi ra đón con về, khoảng 2 hôm sau bố mẹ anh M vào đón cháu, cho cháu chơi vài hôm, chị nhất trí nhưng khi chị bảo mang con về thì bố mẹ chồng không mang còn giữ con của chị, chị và mẹ chị đến nói chuyện với bố mẹ chồng chị và anh M đề hòa giải vợ chồng nhưng anh M nói sai cũng không xin lỗi, sau đó xin được đón cháu về thì anh M không cho đón, còn dọa nạt mẹ chị. Từ khi chị về nhà, anh M đứng một lần cùng chị gái đến nhà, còn anh M và gia đình anh M không đến, anh M nhắn tin bảo chị về, chị có bảo đưa con đến cho chị thì anh M không chịu. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn nên chị đề nghị xin được ly hôn anh M.

Về con chung: Có 01 con chung. Hiện nay cháu đang ở với anh M và ông bà nội
Về tài sản chung, công sức, công nợ: Không có nên không đề nghị Tòa giải quyết

Tại bản tự khai của anh M trình bày: Anh và chị Th kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Phù Ủng vào tháng 12.2018. Sau khi cưới chị Th về ngay gia đình chồng chung sống. Thời gian đầu vợ chồng chị chung sống hòa thuận, hạnh phúc. Sau khi sinh con được 3 tháng thì bố mẹ anh cho vợ chồng ăn riêng, được 1 thời gian ngắn vợ chồng phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân là do kinh tế nên vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi nhau, khi dịch covid – 19 bùng phát, vợ chồng anh không đi làm được, hai vợ chồng ra Quảng Ninh bán hàng, xong không được lại về, thời gian đó anh không xin được việc nên dẫn đến mãi chơi, đánh vào cờ bạc dẫn đến nợ hơn 10 triệu đồng, nhưng chị Th nói nhiều, vợ chồng cãi nhau. Do mâu thuẫn, tháng 9/2020, anh có nóng giận đuổi chị Th về nhà, chị Th cũng thu dọn quần áo về nhà bố mẹ để ở, khoảng 2 hôm sau bố mẹ anh xuống đón cháu Ch về nuôi, khoảng vài hôm chị Th và mẹ xuống chơi với con và có ý định đón con nhưng tôi và gia đình không đồng ý vì muốn nuôi để níu kéo chị Th về, từ đó chị Th không về nữa. Nay chị Th xin ly hôn anh không đồng ý ly hôn.

Về con chung: Anh và chị Th có 01 con chung.

Về tài sản chung: Không có nên không đề nghị Tòa giải quyết

Tại biên bản lấy lời khai của ông Vũ Văn Nh (bố đẻ của anh M) trình bày: Ông xây dựng vợ chồng cho chị Th, anh M vào tháng 12/2018, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Phù Ủng. Sau khi thành vợ chồng chị Th về ngay gia đình ông chung sống. Anh, chị ở với ông bà được 16 tháng thì ông bà cho anh chị ra ăn riêng, từ đó chị Th mới đi xin việc làm, nhưng do dịch covid-19 anh chị không đi làm mà ở nhà vì vậy các cháu cãi nhau vì không có tiền, cuối tháng 9/2020, chị Th tự bỏ nhà về do vợ chồng xô sát, do chị Th có ý định từ trước nên chị Th mang cả sổ hộ khẩu, xe máy, ông biết được ý định của chị Th nên ông vào trong nhà chị Th đón con chung của anh

chị về để cho chị Th về nhưng chị Th không về. Nay anh chị có ở được với nhau hay không là quyền của anh, chị

Về con chung: Anh M, chị Th có 01 con chung Vũ Bảo Ch, SN 01/9/2019. Hiện nay cháu đang ở với anh M và vợ chồng ông, bà.

Về tài sản chung, công sức, công nợ: Anh M, chị Th không có

Tại biên bản lấy lời khai bà Phạm Thị Thêu (mẹ đẻ của chị Th) trình bày: Bà xây dựng vợ chồng cho chị Th, anh M vào tháng 12/2018, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Phù Ủng. Sau khi thành vợ chồng chị Th về ngay gia đình chồng chung sống. Sau khi chị Th sinh con được một thời gian, do dịch covid-19 anh chị không xin việc được ở công ty vì vậy có thống nhất ra Quảng Ninh bán hàng, nhưng chỉ được thời gian ngắn anh, chị lại về, do không đi làm mà ở nhà vì vậy các cháu cãi nhau vì không có tiền, cuối tháng 9/2020, chị Th bị anh M đuổi nên về nhà bà, khoảng 2 ngày sau thì ông bà Nh đến đón cháu Ch về chơi, sau đó không mang đến trả nữa, bà và chị Th đến nhà ông bà Nh để nói chuyện, hòa giải cho anh chị, anh M nhận sai nhưng không xin lỗi, sau đó bà có xin đón cháu Ch về thì anh M không cho đón. Từ khi chị Th về nhà bà, anh M có 01 lần đến, còn phía bố mẹ anh M cũng không điện thoại cũng chưa đến nhà bà nói chuyện với vợ chồng bà lần nào. Khi chị Th đến thăm con, mua đồ cho con anh M không cho lấy, anh M còn liên tục nhắn tin chửi bới chị Th. Nay anh chị có ở được với nhau hay không là quyền của anh, chị.

Tại biên bản xác M với UBND xã Phù Ủng: Chị Th, anh M là vợ chồng có đăng ký kết hôn tại UBND Phù Ủng vào ngày 24/12/2018. Quá trình chung sống chị Th, anh M chung sống có mâu thuẫn hay không chính quyền địa phương không nắm được.

Về con chung: Anh M, chị Th có 01 con chung là Vũ Bảo Ch, SN 01/9/2019

Về tài sản chung, công sức, công nợ: UBND xã không nắm được.

Tại phiên tòa ngày 20/01/2021: Chị Th có mặt, anh M vắng mặt không có lý do. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 227, HĐXX hoãn phiên tòa.

Tại phiên tòa ngày 27/01/2021: Chị Th có mặt, anh M tiếp tục vắng mặt không có lý do. Căn cứ khoản 2 điều 227 của BLTTDS, HĐXX tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn.

*** Ý kiến và quan điểm của đại diện VKSND huyện tham gia phiên tòa:**

+ Về chấp hành pháp luật tố tụng:

Hội đồng xét xử, Thư ký đã tuân thủ đúng các quy định của BLTTDS về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

Tại phiên tòa mở ngày 20/01/2021, bị đơn vắng mặt không có lý do, HĐXX đã ban hành Quyết định hoãn phiên tòa số 09 ngày 20/01/2021, ấn định thời điểm mở lại phiên tòa vào ngày 27/01/2021 và thông báo cho các đương sự về việc hoãn phiên tòa là đúng quy định tại khoản 1 Điều 227, Điều 233 BLTTDS.

Tại phiên tòa ngày hôm nay, nguyên đơn có mặt, bị đơn mặc dù đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn tiếp tục vắng mặt không có lý do, mặt khác bị đơn không có yêu cầu phản tố nên căn cứ khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 BLTTDS, HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là đúng quy định của pháp luật.

- Nguyên đơn: Đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại Điều 70, Điều 71 BLTTDS.

- Bị đơn: Đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để hòa giải, công khai tiếp cận chứng cứ và triệu tập đến phiên tòa xét xử đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do vi phạm khoản 15, 16 Điều 70, Điều 72 BLTTDS.

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, người làm chứng đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại các Điều 73, Điều 78 BLTTDS.

+ Về đường lối giải quyết:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 147; khoản 2 điều 227; khoản 3 điều 228 BLTTDS, Nghị quyết số 326 về án phí, lệ phí; Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Đề nghị Hội đồng xét xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Đinh Thị Th.

- Về con chung: Giao cháu Ch cho chị Th nuôi dưỡng đến khi thành niên. Anh M không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho chị Th, anh M có quyền đi lại thăm nom con chung.

- Về án phí: Chị Th phải chi án phí DSST theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra, kiểm tra, đánh giá, quan điểm của đại diện VKSND huyện Ân Thi, HĐXX nhận định:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Th, anh M kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của pháp luật và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Phù Ủng vào ngày 24/12/2018. Hôn nhân của chị Th, anh M là hoàn toàn hợp pháp. Nay chị Th có đơn xin ly hôn được áp dụng Luật Hôn nhân và gia đình để giải quyết theo thủ tục chung. Anh M đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn L M, PU, Ân Thi nên việc giải quyết vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Ân Thi, theo quy định tại điểm a, khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 BLTTDS.

[2] Xét mâu thuẫn vợ chồng: Chị Th, anh M đều xác định sau khi vợ chồng ra ở riêng một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân một phần là do vợ chồng tính tình không hợp nhau, phần khác do kinh tế, do dịch covid-19 anh M, chị Th kh ông đi làm được, anh M có chơi bời, cờ bạc nên dẫn đến nợ nần, chị Th nói

không được nên vợ chồng thường xuyên cãi nhau, không còn tôn trọng nhau. Do mâu thuẫn, tháng 9/2020, anh M đuổi chị Th về, chị Th đã về nhà bố mẹ đẻ ở. Hai bên gia đình có hòa giải nhưng anh M nhận sai không xin lỗi, có nhắn tin bảo chị Th về nhưng chị Th không về. Nay chị Th xác định tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không thể kéo dài nên chị xin ly hôn anh M. Về phía anh M, anh xác định vẫn còn tình cảm với chị Th nên mong muốn vợ chồng về đoàn tụ, tuy nhiên trong quá trình hòa giải vợ chồng về đoàn tụ, Tòa án đã tạo điều kiện, thời gian để anh M tìm biện pháp khắc phục rạn nứt vợ chồng nhưng đến nay anh M cũng không có biện pháp gì, tại phiên tòa ông Nh (bố đẻ của anh M) khẳng định anh M chơi bời, gia đình có khuyên nhưng anh M không nghe, ông mong muốn chị Th suy nghĩ lại để về khuyên bảo anh M và cùng nhau nuôi con nhưng chị Th vẫn kiên quyết ly hôn. Anh M vắng mặt tại phiên tòa điều đó chứng tỏ anh M không còn muốn xây dựng hạnh phúc với chị Th nữa, căn cứ khoản 1 điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình hôn nhân giữa chị Th, anh M đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, anh M, chị Th không còn thương yêu, quý trọng nhau nữa vì vậy HĐXX chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Th là phù hợp với pháp luật và thực tế vợ chồng.

[3] Về con chung: Anh M, chị Th có 01 con chung là Vũ Bảo Ch, SN 01/9/2019. Hiện nay con chung đang ở với anh M và ông bà nội. Nay ly hôn chị Th, anh M đều có nguyện vọng được nuôi con chung và không yêu cầu cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Nguyện vọng được nuôi con của anh M, chị Th là hoàn toàn chính đáng, thể hiện được trách nhiệm của người làm cha, làm mẹ đối với con chưa thành niên. Tuy nhiên, cháu Ch mới được 16 tháng tuổi rất cần được sự chăm sóc của người mẹ, anh M khai chị Th không đủ tư cách để được nuôi con vì khi chị Th về nhà bố mẹ đẻ ở, chị Th chỉ có vài lần về thăm con, khi về chỉ mua mấy vỉ sữa, tại phiên tòa ông Nh trình bày không đưa con cho chị Th là mong muốn níu kéo chị Th về, vì vậy với lý do anh M đưa ra không phải là căn cứ để khẳng định chị Th không có quyền được nuôi con, căn cứ khoản 3 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình quy định “ *Con dưới 36 tháng tuổi được giao cho mẹ trực tiếp nuôi, trừ trường hợp người mẹ không đủ điều kiện để trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con hoặc cha mẹ có thỏa thuận khác phù hợp với lợi ích của con* ” . Vì vậy, HĐXX giao cháu Ch cho chị Th nuôi để đảm bảo phát triển mọi mặt của con chung. Về cấp dưỡng chị Th không yêu cầu anh M cấp dưỡng tiền nuôi con là tự nguyện nên HĐXX chấp nhận.

[4] Về tài sản chung, công sức, công nợ: Chị Th, anh M không đề nghị Tòa giải quyết.

[5] Về án phí: Chị Th phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 56; Điều 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình;
- Khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân

sự;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1- Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Đinh Thị Th được ly hôn anh Vũ Văn M

2- Về con chung: Giao cháu Vũ Bảo Ch, SN 01/9/2019 cho chị Đinh Thị Th trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi cháu Ch thành niên. Anh M không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho chị Th. Anh M có quyền đi lại thăm nom con chung. Không ai được ngăn cản.

3- Về tài sản chung, công sức, công nợ: Chị Th, anh M không đề nghị Tòa giải quyết.

4 - Về án phí : Chị Th phải chịu 300.000đ án phí sơ thẩm ly hôn được trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà chị đã nộp theo biên lai thu số 0000728 ngày 24 tháng 11 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ân Thi. Chị Th đã nộp đủ.

5- Quyền kháng cáo: Chị Th có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh M có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận hoặc niêm yết bản án.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- Phòng GDKT và THA tỉnh;
- VKSND + THADS huyện;
- Đương sự;
- UBND xã Phù Ủng - Ân Thi;
- Lưu HS.

Hoàng Lương Hồng

